CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai: danh sách chi chênh lệch lương biên chế từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng từ tháng 7 đến tháng 11/2023 đối với cán bộ, viên chức

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thời gian nâng lương, thâm niên đối với cán bộ, viên chức;

I. Thời gian: từ 8h, ngày 12/12/2023.

II. Địa điểm: Tại Trường Tiểu học Hải Thành.

III. Thành phần:

1. Đ/c Vũ Thị Kim Vân - Hiệu trưởng, TB KTNB.
2. Đ/c Vũ Thị Hồi - PHT, Chủ tịch Công đoàn, Thành viên.
3. Đ/c Ngô Thị Thùy Linh - PHT, Thành viên.
4. Đ/c Nguyễn Thị Hường - Tổ trưởng Tổ 1; Thành viên.
5. Đ/c Vũ Thị Tố Loan - Tổ trưởng Tổ 2; Thành viên.
6. Đ/c Đỗ Thị Xuân Rơn - Tổ trưởng Tổ 3; Thành viên.
7. Đ/c Nguyễn Thị Ngọc Anh - Tổ trưởng Tổ 4; Thành viên.
8. Đ/c Nguyễn Thị Thu Huyền - Tổ trưởng Tổ 5; Thành viên.
9. Đ/c Ngô Lương Dũng - Tổ trưởng Tổ Nghệ thuật; Thành viên.
10. Phạm Thị Bích Ngọc - Tổ trưởng Tổ Văn phòng.
11. Đ/c Nguyễn Thị Vân - Thư ký.

VI. Nội dung:

Lập biên bản về việc niêm yết công khai: danh sách chi chênh lệch lương biên chế từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng từ tháng 7 đến tháng 11/2023 bằng hình thức Niêm yết tại bản tin nhà trường.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 8h, ngày 12/12/2023, sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 8h ngày 11/01/2024 (30 ngày liên tục).

Được quét bằng CamScanner

Thực hiện niêm yết công khai: danh sách chi chênh lệch lương biên chế từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng từ tháng 7 đến tháng 11/2023 bằng hình thức Niêm yết tại bản tin nhà trường, niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị và phụ huynh học sinh biết.

Nội dung niêm yết bao gồm những hồ sơ sau:

1. Danh sách chi chênh lệch lương biên chế từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng từ tháng 7 đến tháng 11/2023. (06 trang)

Việc niêm yết này được thực hiện trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 8h15' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Vân	Vũ Thị Kim Vân

Được quét bằng CamScanner

UBND QUẬN DƯƠNG KINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI THÀNH

DANH SÁCH CHI CHÊNH LỆCH LƯƠNG BIÊN CHẾ TỪ 1.490.000 ĐỒNG LÊN 1.800.000 ĐỒNG THÁNG 7 ĐẾN THÁNG 11 NĂM 2023

STT	HỌ VÀ TÊN	Tháng	HỆ SỐ									SỐ TIỀN								BHXH, BHYT, BHTN 10,5%	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ 23,5%	TỔNG LƯƠNG ĐÃ TRỪ BHXH	TỔNG TIỀN	TỔNG LĨNH
			HỆ SỐ LƯƠNG	PCCV	VƯỢT KHUNG % VK	VƯỢT KHUNG HỆ SỐ VK	BẢO LƯU	PCUĐ 35%	PCTN % PCTN	PCTN HỆ SỐ PCTN	TN	LƯƠNG	PCCV	VƯỢT KHUNG	BẢO LƯU	PCUĐ 35%	PCTN	TN	TỔNG					
I	Biên chế																							
1	Vũ Thị Kim Vân	7	4,98	0,50				1,918000	24%	1,3152		1.543.800	155.000	0		594.580	407.712	0	2.701.092	221.184	495.030	2.479.908	2.479.900	
		8	4,98	0,50				1,918000	24%	1,3152		1.543.800	155.000	0		594.580	407.712	0	2.701.092	221.184	495.030	2.479.908	2.479.900	
		9	4,98	0,50				1,918000	24%	1,3152		1.543.800	155.000	0		594.580	407.712	0	2.701.092	221.184	495.030	2.479.908	2.479.900	12.543.390
		10	4,98	0,50				1,918000	25%	1,3700		1.543.800	155.000	0		594.580	424.700	0	2.718.080	222.968	499.023	2.495.113	2.495.100	
		11	4,98	0,50	5%	0,249		2,005150	25%	1,4323		1.543.800	155.000	77.190		621.597	443.998	0	2.841.584	233.099	521.697	2.608.485	2.608.500	
2	Vũ Thị Hồi	7	4,65	0,40				1,767500	24%	1,2120		1.441.500	124.000	0		547.925	375.720	0	2.489.145	203.828	456.187	2.285.317	2.285.300	
		8	4,65	0,40				1,767500	24%	1,2120		1.441.500	124.000	0		547.925	375.720	0	2.489.145	203.828	456.187	2.285.317	2.285.300	
		9	4,65	0,40				1,767500	24%	1,2120		1.441.500	124.000	0		547.925	375.720	0	2.489.145	203.828	456.187	2.285.317	2.285.300	11.440.59
		10	4,65	0,40				1,767500	24%	1,2120		1.441.500	124.000	0		547.925	375.720	0	2.489.145	203.828	456.187	2.285.317	2.285.300	
		11	4,65	0,40				1,767500	25%	1,2625		1.441.500	124.000	0		547.925	391.375	0	2.504.800	205.472	459.866	2.299.328	2.299.300	
3	Ngô Thị Thùy Linh	7	3,00	0,40				1,190000	6%	0,2040		930.000	124.000	0		368.900	63.240	0	1.486.140	117.310	262.551	1.368.830	1.368.800	
		8	3,00	0,40				1,190000	6%	0,2040		930.000	124.000	0		368.900	63.240	0	1.486.140	117.310	262.551	1.368.830	1.368.800	
		9	3,00	0,40				1,190000	6%	0,2040		930.000	124.000	0		368.900	63.240	0	1.486.140	117.310	262.551	1.368.830	1.368.800	6.863.0
		10	3,00	0,40				1,190000	7%	0,2380		930.000	124.000	0		368.900	73.780	0	1.496.680	118.417	265.028	1.378.263	1.378.300	
		11	3,00	0,40				1,190000	7%	0,2380		930.000	124.000	0		368.900	73.780	0	1.496.680	118.417	265.028	1.378.263	1.378.300	
4	Phạm Thị Bích Ngọc	7	3,00	0,20							0,10	930.000	62.000	0		0	0	31.000	1.023.000	104.160	233.120	918.840	918.800	
		8	3,00	0,20							0,10	930.000	62.000	0		0	0	31.000	1.023.000	104.160	233.120	918.840	918.800	
		9	3,00	0,20							0,10	930.000	62.000	0		0	0	31.000	1.023.000	104.160	233.120	918.840	918.800	
		10	3,00	0,20							0,10	930.000	62.000	0		0	0	31.000	1.023.000	104.160	233.120	918.840	918.800	
		11	3,00	0,20							0,10	930.000	62.000	0		0	0	31.000	1.023.000	104.160	233.120	918.840	918.800	
5	Nguyễn Thị Phúc	7	4,89		5%	0,245		1,797075	31%	1,5917		1.515.900	0	75.795		557.093	493.425	0	2.642.214	218.938	490.003	2.423.276	2.423.300	
		8	4,89		5%	0,245		1,797075	31%	1,5917		1.515.900	0	75.795		557.093	493.425	0	2.642.214	218.938	490.003	2.423.276	2.423.300	
		9	4,89		5%	0,245		1,797075	31%	1,5917		1.515.900	0	75.795		557.093	493.425	0	2.642.214	218.938	490.003	2.423.276	2.423.300	12.2[illegible]
		10	4,89		5%	0,245		1,797075	31%	1,5917		1.515.900	0	75.795		557.093	493.425	0	2.642.214	218.938	490.003	2.423.276	2.423.300	
		11	4,89		5%	0,245		1,797075	31%	1,5917		1.515.900	0	75.795		557.093	493.425	0	2.642.214	218.938	490.003	2.423.276	2.423.300	
6	Phạm Thị Mai	7	4,98		5%	0,249		1,830150	31%	1,6210		1.543.800	0	77.190		567.347	502.507	0	2.690.843	222.967	498.022	2.467.876	2.467.900	
		8	4,98		5%	0,249		1,830150	31%	1,6210		1.543.800	0	77.190		567.347	502.507	0	2.690.843	222.967	498.022	2.467.876	2.467.900	
		9	4,98		5%	0,249		1,830150	31%	1,6210		1.543.800	0	77.190		567.347	502.507	0	2.690.843	222.967	498.022	2.467.876	2.467.900	12.386.9[illegible]
		10	4,98		6%	0,299		1,847580	31%	1,6364		1.543.800	0	92.628		572.750	507.293	0	2.716.470	225.091	503.774	2.491.380	2.491.400	
		11	4,98		6%	0,299		1,847580	31%	1,6364		1.543.800	0	92.628		572.750	507.293	0	2.716.470	225.091	503.774	2.491.380	2.491.400	
7	Phạm Thị Kim	7	4,98		7%	0,349		1,865010	31%	1,6519		1.543.800	0	108.066		578.153	512.078	0	2.742.098	227.214	508.527	2.514.883	2.514.900	
		8	4,98		7%	0,349		1,865010	31%	1,6519		1.543.800	0	108.066		578.153	512.078	0	2.742.098	227.214	508.527	2.514.883	2.514.900	
		9	4,98		7%	0,349		1,865010	31%	1,6519		1.543.800	0	108.066		578.153	512.078	0	2.742.098	227.214	508.527	2.514.883	2.514.900	12.[illegible]
		10	4,98		7%	0,349		1,865010	31%	1,6519		1.543.800	0	108.066		578.153	512.078	0	2.742.098	227.214	508.527	2.514.883	2.514.900	
		11	4,98		8%	0,398		1,882440	31%	1,6673		1.543.800	0	123.504		583.336	516.864	0	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	

Được quét bằng CamScanner

			HỆ SỐ									SỐ TIỀN												
					VƯỢT KHUNG		BẢO LƯU	PCUĐ 35%	PCTN		TN													
		THÁNG	HỆ SỐ LƯƠNG	PCCV	% VK	HỆ SỐ VK			% PCTN	HỆ SỐ PCTN		LƯƠNG	PCCV	VƯỢT KHUNG	BẢO LƯU	PCUĐ 35%	PCTN	TN	TỔNG	BHXH, BHYT, BHTN 10,5%	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ 23,5%	TỔNG LƯƠNG ĐÃ TRỪ BHXH	TỔNG TIỀN	TỔNG LĨN
8	Đỗ Thị Liên	7	4,98		5%	0,249		1,830150	31%	1,6210		1.543.800	0	77.190		567.347	502.507	0	2.690.843	222.967	499.022	2.467.876	2.467.900	
		8	4,98		5%	0,249		1,830150	31%	1,6210		1.543.800	0	77.190		567.347	502.507	0	2.690.843	222.967	499.022	2.467.876	2.467.900	
		9	4,98		5%	0,249		1,830150	31%	1,6210		1.543.800	0	77.190		567.347	502.507	0	2.690.843	222.967	499.022	2.467.876	2.467.900	
		10	4,98		5%	0,249		1,830150	31%	1,6210		1.543.800	0	77.190		567.347	502.507	0	2.690.843	222.967	499.022	2.467.876	2.467.900	12.339.50
		11	4,98		5%	0,249		1,830150	31%	1,6210		1.543.800	0	77.190		567.347	502.507	0	2.690.843	222.967	499.022	2.467.876	2.467.900	
9	Nguyễn Thị Hường	7	4,98	0,20	7%	0,349		1,935010	28%	1,5480		1.543.800	62.000	108.066		599.853	479.882	0	2.793.602	230.344	515.531	2.563.258	2.563.300	
		8	4,98	0,20	7%	0,349		1,935010	28%	1,5480		1.543.800	62.000	108.066		599.853	479.882	0	2.793.602	230.344	515.531	2.563.258	2.563.300	
		9	4,98	0,20	7%	0,349		1,935010	28%	1,5480		1.543.800	62.000	108.066		599.853	479.882	0	2.793.602	230.344	515.531	2.563.258	2.563.300	12.816.50
		10	4,98	0,20	7%	0,349		1,935010	28%	1,5480		1.543.800	62.000	108.066		599.853	479.882	0	2.793.602	230.344	515.531	2.563.258	2.563.300	
		11	4,98	0,20	7%	0,349		1,935010	28%	1,5480		1.543.800	62.000	108.066		599.853	479.882	0	2.793.602	230.344	515.531	2.563.258	2.563.300	
10	Nguyễn Thị Ngọc Châm	7	4,98					1,743000	24%	1,1952		1.543.800	0	0		540.330	370.512	0	2.454.642	201.003	449.863	2.253.639	2.253.600	
		8	4,98					1,743000	24%	1,1952		1.543.800	0	0		540.330	370.512	0	2.454.642	201.003	449.863	2.253.639	2.253.600	
		9	4,98					1,743000	24%	1,1952		1.543.800	0	0		540.330	370.512	0	2.454.642	201.003	449.863	2.253.639	2.253.600	11.268.00
		10	4,98					1,743000	24%	1,1952		1.543.800	0	0		540.330	370.512	0	2.454.642	201.003	449.863	2.253.639	2.253.600	
		11	4,98					1,743000	24%	1,1952		1.543.800	0	0		540.330	370.512	0	2.454.642	201.003	449.863	2.253.639	2.253.600	
11	Ngô Lương Giang	7	4,65	0,20				1,697500	22%	1,0670		1.441.500	62.000	0		526.225	330.770	0	2.360.495	192.598	431.053	2.167.897	2.167.900	
		8	4,65					1,627500	22%	1,0230		1.441.500	0	0		504.525	317.130	0	2.263.155	184.656	413.278	2.078.499	2.078.500	
		9	4,65	0,20				1,697500	23%	1,1155		1.441.500	62.000	0		526.225	345.805	0	2.375.530	194.177	434.587	2.181.353	2.181.400	10.790.60
		10	4,65	0,20				1,697500	23%	1,1155		1.441.500	62.000	0		526.225	345.805	0	2.375.530	194.177	434.587	2.181.353	2.181.400	
		11	4,65	0,20				1,697500	23%	1,1155		1.441.500	62.000	0		526.225	345.805	0	2.375.530	194.177	434.587	2.181.353	2.181.400	
12	Đỗ Thị Xuân Ron	7	4,65	0,20				1,697500	24%	1,1646		1.441.500	62.000	0		526.225	360.840	0	2.390.565	195.756	438.120	2.194.809	2.194.800	
		8	4,65	0,20				1,697500	24%	1,1646	0,30	1.441.500	62.000	0		526.225	360.840	93.000	2.483.565	195.756	438.120	2.287.809	2.287.800	
		9	4,65	0,20				1,697500	24%	1,1646	0,30	1.441.500	62.000	0		526.225	360.840	93.000	2.483.565	195.756	438.120	2.287.809	2.287.800	11.373.00
		10	4,65	0,20				1,697500	25%	1,2125	0,30	1.441.500	62.000	0		526.225	375.875	93.000	2.498.600	197.334	441.653	2.301.266	2.301.300	
		11	4,65	0,20				1,697500	25%	1,2125	0,30	1.441.500	62.000	0		526.225	375.875	93.000	2.498.600	197.334	441.653	2.301.266	2.301.300	
13	Nguyễn Thị Liên	7	4,98					1,743000	24%	1,1952		1.543.800	0	0		540.330	370.512	0	2.454.642	201.003	449.863	2.253.639	2.253.600	
		8	4,98					1,743000	24%	1,1952		1.543.800	0	0		540.330	370.512	0	2.454.642	201.003	449.863	2.253.639	2.253.600	
		9	4,98					1,743000	24%	1,1952		1.543.800	0	0		540.330	370.512	0	2.454.642	201.003	449.863	2.253.639	2.253.600	11.295.80
		10	4,98					1,743000	25%	1,2450		1.543.800	0	0		540.330	385.950	0	2.470.080	202.624	453.491	2.267.456	2.267.500	
		11	4,98					1,743000	25%	1,2450		1.543.800	0	0		540.330	385.950	0	2.470.080	202.624	453.491	2.267.456	2.267.500	
14	Nguyễn Thị Cúc	7	4,37					1,527000	24%	1,0508		1.350.200	0	0		468.720	321.408	0	2.129.328	174.364	390.243	1.954.964	1.955.000	
		8	4,37					1,527000	24%	1,0508		1.350.200	0	0		468.720	321.408	0	2.129.328	174.364	390.243	1.954.964	1.955.000	
		9	4,37					1,527000	24%	1,0508		1.350.200	0	0		468.720	321.408	0	2.129.328	174.364	390.243	1.954.964	1.955.000	9.775.000
		10	4,37					1,527000	24%	1,0508		1.350.200	0	0		468.720	321.408	0	2.129.328	174.364	390.243	1.954.964	1.955.000	
		11	4,37					1,527000	24%	1,0508		1.350.200	0	0		468.720	321.408	0	2.129.328	174.364	390.243	1.954.964	1.955.000	
15	Nguyễn Thị Hoa	7	4,37					1,409500	23%	0,9021		1.350.200	0	0		463.295	364.451	0	2.091.446	179.956	382.615	1.920.496	1.920.500	
		8	4,37					1,409500	23%	0,9021		1.350.200	0	0		463.295	364.451	0	2.091.446	179.956	382.615	1.920.496	1.920.500	
		9	4,37					1,409500	23%	0,9021		1.350.200	0	0		463.295	364.451	0	2.091.446	179.956	382.615	1.920.496	1.920.500	9.602.500
		10	4,37					1,409500	23%	0,9021		1.350.200	0	0		463.295	364.451	0	2.091.446	179.956	382.615	1.920.496	1.920.500	

Được quét bằng CamScanner

STT	HỌ VÀ TÊN	Tháng	HỆ SỐ									SỐ TIỀN												
			HỆ SỐ LƯƠNG	PCCV	VƯỢT KHUNG % VK	VƯỢT KHUNG HỆ SỐ VK	BẢO LƯU	PCUĐ 35%	PCTN % PCTN	PCTN HỆ SỐ PCTN	TN	LƯƠNG	PCCV	VƯỢT KHUNG	BẢO LƯU	PCUĐ 35%	PCTN	TN	TỔNG	BHXH, BHYT, BHTH 10,5%	BHXH, BHYT, BHTH 21,5%	TỔNG LƯƠNG SAU TRỪ BHXH	TỔNG TIỀN	[illegible]
		11	4,27					1,494500	24%	0,9821		1.323.700	0	0		463.295	304.451	0	2.091.446	170.956	383.615	1.920.490	1.920.500	
16	Nguyễn Thị Thu Huyền	7	4,98	0,20				1,813000	24%	1,2432		1.543.800	62.000	0		562.030	385.392	0	2.553.222	209.075	467.930	2.344.147	2.344.100	
		8	4,98	0,20				1,813000	24%	1,2432		1.543.800	62.000	0		562.030	385.392	0	2.553.222	209.075	467.930	2.344.147	2.344.100	
		9	4,98	0,20				1,813000	24%	1,2432		1.543.800	62.000	0		562.030	385.392	0	2.553.222	209.075	467.930	2.344.147	2.344.100	12.738.500
		10	4,98	0,20				1,813000	24%	1,2432		1.543.800	62.000	0		562.030	385.392	0	2.553.222	209.075	467.930	2.344.147	2.344.100	
		11	4,98	0,20				1,813000	24%	1,2432		1.543.800	62.000	0		562.030	385.392	0	2.553.222	209.075	467.930	2.344.147	2.344.100	
17	Vũ Thị Tố Loan	7	3,65	0,20				1,347500	15%	0,5775		1.131.500	62.000	0		417.725	179.025	0	1.790.250	144.113	322.543	1.646.135	1.646.100	
		8	3,65	0,20				1,347500	15%	0,5775		1.131.500	62.000	0		417.725	179.025	0	1.790.250	144.113	322.543	1.646.135	1.646.100	
		9	3,65	0,20				1,347500	15%	0,5775		1.131.500	62.000	0		417.725	179.025	0	1.790.250	144.113	322.543	1.646.135	1.646.100	8.230.600
		10	3,65	0,20				1,347500	15%	0,5775		1.131.500	62.000	0		417.725	179.025	0	1.790.250	144.113	322.543	1.646.135	1.646.100	
		11	3,65	0,20				1,347500	15%	0,5775		1.131.500	62.000	0		417.725	179.025	0	1.790.250	144.113	322.543	1.646.135	1.646.100	
18	Nguyễn Thị Lý	7	3,66					1,281000	12%	0,4392		1.134.600	0	0		397.110	136.152	0	1.667.862	133.429	298.623	1.534.433	1.534.400	
		8	3,66					1,281000	13%	0,4758		1.134.600	0	0		397.110	147.498	0	1.679.208	134.620	301.293	1.544.588	1.544.600	
		9	3,66					1,281000	13%	0,4758		1.134.600	0	0		397.110	147.498	0	1.679.208	134.620	301.293	1.544.588	1.544.600	7.712.800
		10	3,66					1,281000	13%	0,4758		1.134.600	0	0		397.110	147.498	0	1.679.208	134.620	301.293	1.544.588	1.544.600	
		11	3,66					1,281000	13%	0,4758		1.134.600	0	0		397.110	147.498	0	1.679.208	134.620	301.293	1.544.588	1.544.600	
19	Nguyễn Thị Ngọc Anh	7	3,66	0,20				1,351000	10%	0,3860		1.134.600	62.000	0		418.810	119.660	0	1.735.070	138.207	309.321	1.596.863	1.596.900	
		8	3,66	0,20				1,351000	10%	0,3860	0,30	1.134.600	62.000	0		418.810	119.660	93.000	1.828.070	138.207	309.321	1.689.863	1.689.900	
		9	3,66	0,20				1,351000	11%	0,4246	0,30	1.134.600	62.000	0		418.810	131.626	93.000	1.840.036	139.464	312.133	1.700.572	1.700.600	8.388.600
		10	3,66	0,20				1,351000	11%	0,4246	0,30	1.134.600	62.000	0		418.810	131.626	93.000	1.840.036	139.464	312.133	1.700.572	1.700.600	
		11	3,66	0,20				1,351000	11%	0,4246	0,30	1.134.600	62.000	0		418.810	131.626	93.000	1.840.036	139.464	312.133	1.700.572	1.700.600	
20	Phạm Thị Mơ	7	3,33					1,165500	13%	0,4329		1.032.300	0	0		361.305	134.199	0	1.527.804	122.482	274.127	1.405.322	1.405.300	
		8	3,33					1,165500	13%	0,4329	0,30	1.032.300	0	0		361.305	134.199	93.000	1.620.804	122.482	274.127	1.498.322	1.498.300	
		9	3,33					1,165500	13%	0,4329	0,30	1.032.300	0	0		361.305	134.199	93.000	1.620.804	122.482	274.127	1.498.322	1.498.300	7.398.500
		10	3,33					1,165500	13%	0,4329	0,30	1.032.300	0	0		361.305	134.199	93.000	1.620.804	122.482	274.127	1.498.322	1.498.300	
		11	3,33					1,165500	13%	0,4329	0,30	1.032.300	0	0		361.305	134.199	93.000	1.620.804	122.482	274.127	1.498.322	1.498.300	
21	Phạm Thị Hồng	7	3,46					1,211000	16%	0,5536	0,20	1.072.600	0	0		375.410	171.616	62.000	1.681.626	130.643	292.391	1.550.983	1.551.000	
		8	3,46					1,211000	16%	0,5536		1.072.600	0	0		375.410	171.616	0	1.619.626	130.643	292.391	1.488.983	1.489.000	
		9	3,46					1,211000	16%	0,5536		1.072.600	0	0		375.410	171.616	0	1.619.626	130.643	292.391	1.488.983	1.489.000	7.526.000
		10	3,46					1,211000	17%	0,5882		1.072.600	0	0		375.410	182.342	0	1.630.352	131.769	294.911	1.498.583	1.498.600	
		11	3,46					1,211000	17%	0,5882		1.072.600	0	0		375.410	182.342	0	1.630.352	131.769	294.911	1.498.583	1.498.600	
22	Trần Thị Kim Anh	7	2,67					0,934500	9%	0,2401		827.700	0	0		289.695	74.493	0	1.191.888	94.750	212.015	1.097.138	1.097.200	
		8	2,67					0,934500	9%	0,2401		827.700	0	0		289.695	74.493	0	1.191.888	94.750	212.015	1.097.138	1.097.200	
		9	2,67					0,934500	9%	0,2401		827.700	0	0		289.695	74.493	0	1.191.888	94.750	212.015	1.097.138	1.097.200	5.486.000
		10	2,67					0,934500	9%	0,2401		827.700	0	0		289.695	74.493	0	1.191.888	94.750	212.015	1.097.138	1.097.200	
		11	2,67					0,934500	9%	0,2401		827.700	0	0		289.695	74.493	0	1.191.888	94.750	212.015	1.097.138	1.097.200	
23	Phạm Thị Thúy Trang	7	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	88.800	198.510	1.028.487	1.028.500	
		8	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	88.800	198.510	1.028.487	1.028.500	
		9	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	88.800	198.510	1.028.487	1.028.500	5.142.500

Được quét bằng CamScanner

		Tháng	HỆ SỐ									SỐ TIỀN												
			HỆ SỐ LƯƠNG	PCTN	VƯỢT KHUNG		BẢO LƯU	PCLĐ 35%	PCTN		TN	LƯƠNG	PCCV	VƯỢT KHUNG	BẢO LƯU	PCLĐ 35%	PCTN	TN	TỔNG	BHXH, BHYT, BHTN 10,5%	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ 23,5%	TỔNG LƯƠNG ĐÃ TRỪ BHXH	TỔNG TIỀN	TỔNG LĨNH
					% VK	HỆ SỐ VK			% PCTN	HỆ SỐ PCTN														
		10	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	
		11	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	
24	Nguyễn Thị Nhiên	7	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	
		8	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	
		9	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	4.852.500
		10	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	
		11	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	
25	Đỗ Thị Tuyết Ngân	7	2,67					0,934500	8%	0,2136		827.700	0	0		289.695	66.216	0	1.183.611	93.861	210.070	1.089.750	1.089.700	
		8	2,67					0,934500	8%	0,2136		827.700	0	0		289.695	66.216	0	1.183.611	93.861	210.070	1.089.750	1.089.700	
		9	2,67					0,934500	8%	0,2136		827.700	0	0		289.695	66.216	0	1.183.611	93.861	210.070	1.089.750	1.089.700	5.448.500
		10	2,67					0,934500	8%	0,2136		827.700	0	0		289.695	66.216	0	1.183.611	93.861	210.070	1.089.750	1.089.700	
		11	2,67					0,934500	8%	0,2136		827.700	0	0		289.695	66.216	0	1.183.611	93.861	210.070	1.089.750	1.089.700	
26	Nguyễn Thị Thanh Hồng	7	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	
		8	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	
		9	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	5.152.500
		10	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	
		11	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	
27	Đỗ Thị Thu Thảo	7	2,72					0,952000	7%	0,1904		843.200	0	0		295.120	59.024	0	1.197.344	94.734	212.023	1.102.610	1.102.600	
		8	2,72					0,952000	7%	0,1904		843.200	0	0		295.120	59.024	0	1.197.344	94.734	212.023	1.102.610	1.102.600	
		9	2,72					0,952000	7%	0,1904		843.200	0	0		295.120	59.024	0	1.197.344	94.734	212.023	1.102.610	1.102.600	5.513.000
		10	2,72					0,952000	7%	0,1904		843.200	0	0		295.120	59.024	0	1.197.344	94.734	212.023	1.102.610	1.102.600	
		11	2,72					0,952000	7%	0,1904		843.200	0	0		295.120	59.024	0	1.197.344	94.734	212.023	1.102.610	1.102.600	
28	Nguyễn Thị Thu Hằng	7	2,46					0,861000	6%	0,1476		762.600	0	0		266.910	45.756	0	1.075.266	84.877	189.964	990.389	990.400	
		8	2,46					0,861000	6%	0,1476		762.600	0	0		266.910	45.756	0	1.075.266	84.877	189.964	990.389	990.400	
		9	2,46					0,861000	6%	0,1476		762.600	0	0		266.910	45.756	0	1.075.266	84.877	189.964	990.389	990.400	4.952.000
		10	2,46					0,861000	6%	0,1476		762.600	0	0		266.910	45.756	0	1.075.266	84.877	189.964	990.389	990.400	
		11	2,46					0,861000	6%	0,1476		762.600	0	0		266.910	45.756	0	1.075.266	84.877	189.964	990.389	990.400	
29	Đỗ Thị Thu Trang	7	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	
		8	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	
		9	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	5.152.500
		10	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	
		11	2,67					0,934500				827.700	0	0		289.695	0	0	1.117.395	86.909	194.510	1.030.487	1.030.500	
30	Nguyễn Thị Mỹ Linh	7	2,42					0,847000				750.200	0	0		262.570	0	0	1.012.770	78.771	176.297	933.999	934.000	
		8	2,42					0,847000				750.200	0	0		262.570	0	0	1.012.770	78.771	176.297	933.999	934.000	
		9	2,42					0,847000				750.200	0	0		262.570	0	0	1.012.770	78.771	176.297	933.999	934.000	4.662.200
		10	2,41					0,843500				747.100	0	0		261.485	0	0	1.008.585	78.446	175.569	930.140	930.100	
		11	2,41					0,843500				747.100	0	0		261.485	0	0	1.008.585	78.446	175.569	930.140	930.100	
31	Nguyễn Thị Khánh Huyền	7	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	
		8	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	

Được quét bằng CamScanner

STT	HỌ VÀ TÊN	Tháng	HỆ SỐ									SỐ TIỀN												
			HỆ SỐ LƯƠNG	PCCV	VƯỢT KHUNG		BẢO LƯU	PCUĐ 35%	PCTN		TN	LƯƠNG	PCCV	VƯỢT KHUNG	BẢO LƯU	PCUĐ 35%	PCTN	TN	TỔNG	BHXH, BHYT, BHTN 10,5%	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ 23,5%	TỔNG LƯƠNG BÀ TRÍU BHXH	TỔNG TIỀN	TỔNG
					% VK	HỆ SỐ VK			% PCTN	HỆ SỐ PCTN														
		9	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	[illegible]
		10	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	
		11	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	
32	Nguyễn Thị Mai Quyên	7	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		8	2,34	0,15				0,871500				725.400	46.500	0		270.165	0	0	1.042.065	81.050	181.397	961.016	961.000	
		9	2,34	0,15				0,871500				725.400	46.500	0		270.165	0	0	1.042.065	81.050	181.397	961.016	961.000	[illegible]
		10	2,34	0,15				0,871500				725.400	46.500	0		270.165	0	0	1.042.065	81.050	181.397	961.016	961.000	
		11	2,34	0,15				0,871500				725.400	46.500	0		270.165	0	0	1.042.065	81.050	181.397	961.016	961.000	
33	Vũ Minh Phượng	7	2,41					0,843500				747.100	0	0		261.485	0	0	1.008.585	78.446	175.569	930.140	930.100	
		8	2,41					0,843500				747.100	0	0		261.485	0	0	1.008.585	78.446	175.569	930.140	930.100	
		9	2,41					0,843500				747.100	0	0		261.485	0	0	1.008.585	78.446	175.569	930.140	930.100	[illegible]
		10	2,41					0,843500				747.100	0	0		261.485	0	0	1.008.585	78.446	175.569	930.140	930.100	
		11	2,41					0,843500				747.100	0	0		261.485	0	0	1.008.585	78.446	175.569	930.140	930.100	
34	Đặng Thị Thúy Hạnh	7	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	
		8	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	
		9	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	[illegible]
		10	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	
		11	2,10					0,735000				651.000	0	0		227.850	0	0	878.850	68.355	152.985	810.495	810.500	
35	Đinh Thị Ngọc Ly	7	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		8	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		9	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	[illegible]
		10	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		11	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
36	Vũ Hương Dung	7	3,00					1,050000	7%	0,2100		930.000	0	0		325.500	65.100	0	1.320.600	104.486	233.849	1.216.115	1.216.100	
		8	3,00					1,050000	7%	0,2100		930.000	0	0		325.500	65.100	0	1.320.600	104.486	233.849	1.216.115	1.216.100	
		9	3,00					1,050000	7%	0,2100		930.000	0	0		325.500	65.100	0	1.320.600	104.486	233.849	1.216.115	1.216.100	[illegible]
		10	3,00					1,050000	7%	0,2100		930.000	0	0		325.500	65.100	0	1.320.600	104.486	233.849	1.216.115	1.216.100	
		11	3,00					1,050000	7%	0,2100		930.000	0	0		325.500	65.100	0	1.320.600	104.486	233.849	1.216.115	1.216.100	
37	Nguyễn Minh Ngọc	7	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		8	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		9	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	[illegible]
		10	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		11	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
38	Đoàn Thị Hà Anh	7	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		8	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		9	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	[illegible]
		10	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		11	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
39	Nguyễn Thị Việt Anh	7	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	

Được quét bằng CamScanner

			HỆ SỐ									SỐ TIỀN												
					VƯỢT KHUNG		BẢO LƯU	PCƯĐ 35%	PCTN		TN													
			HỆ SỐ LƯƠNG	PCCV	% VK	HỆ SỐ VK			% PCTN	HỆ SỐ PCTN		LƯƠNG	PCCV	VƯỢT KHUNG	BẢO LƯU	PCƯĐ 35%	PCTN	TN	TỔNG	BHXH, BHYT, BHTN 10,5%	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ 23,5%	TỔNG LƯƠNG ĐÃ TRỪ BHXH	TỔNG TIỀN	TỔNG LĨNH
		8	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	4.515.500
		9	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		10	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		11	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
40	Vũ Ngọc Ánh	7	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	4.515.500
		8	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		9	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		10	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
		11	2,34					0,819000				725.400	0	0		253.890	0	0	979.290	76.167	170.469	903.123	903.100	
41	Đỗ Thị Huyền Trang	8	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	3.070.800
		9	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	
		10	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	
		11	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	
42	Phạm Thị Thu Dung	8	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	3.070.800
		9	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	
		10	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	
		11	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	
43	Trần Thị Phúc	8	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	3.070.800
		9	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	
		10	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	
		11	1,99					0,696150				616.590	0	0		215.807	0	0	832.397	64.742	144.899	767.655	767.700	
44	Nguyễn Thị Vân	8	2,67					0,934500			0,20	827.700	0	0		289.695	0	62.000	1.179.395	86.909	194.510	1.092.487	1.092.500	4.370.000
		9	2,67					0,934500			0,20	827.700	0	0		289.695	0	62.000	1.179.395	86.909	194.510	1.092.487	1.092.500	
		10	2,67					0,934500			0,20	827.700	0	0		289.695	0	62.000	1.179.395	86.909	194.510	1.092.487	1.092.500	
		11	2,67					0,934500			0,20	827.700	0	0		289.695	0	62.000	1.179.395	86.909	194.510	1.092.487	1.092.500	
	Cộng biên chế		679,270	13,900		7,597	0,000	239,668		111,163	4,300	224.185.180	4.309.000	2.355.039	0	79.061.227	34.460.502	1.581.000	345.951.947	27.857.521	62.347.784	318.094.427	318.094.500	318.094.500

Hải Thành, ngày 12 tháng 12 năm 2023

KẾ TOÁN

Phạm Thị Bích Ngọc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI THÀNH

Vũ Thị Kim Vân

Được quét bằng CamScanner

Nháp Truy lĩnh 7- 11 năm 2023

STT	Hệ số	310.000	8%	1,50%		BHTN 1%	17,0%	0,5%	3%	2%KPCĐ	BHTN 1%	Còn lại	+73
			10,50%										
HS lương	723,178000	224.185.180	17.934.814	3.362.778		2.241.852	38.111.481	1.120.926	6.725.555	4.483.704	2.241.852	200.645.736	200.645.809
Chức vụ	13,900000	4.309.000	344.720	64.635		43.090	732.530	21.545	129.270	86.180	43.090	3.856.555	3.856.555
PCTN	111,162909	34.460.502	2.756.840	516.908		344.605	5.858.285	172.303	1.033.815	689.210	344.605	30.842.149	30.842.149
PCUĐ 35%	255,036215	79.061.227										79.061.227	79.061.227
Trách nhiệm	5,100000	1.581.000										1.581.000	1.581.000
Tạp vụ, 103		0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	
VK, BL	7,596900	2.355.039	188.403	35.326		23.550	400.357	11.775	70.651	47.101	23.550	2.107.760	2.107.760
	1115,974024	345.951.947	21.224.778	3.979.646		2.653.097	45.102.653	1.326.549	7.959.292	5.306.194	2.653.097	318.094.427	318.094.500

				27.857.521	NVụ 1
Mục	6001	200.645.809	200.645.809	0	200.645.809
Chức vụ	6101	3.856.555	3.856.555	0	3.856.555
PCTN	6115	30.842.149	30.842.149		30.842.149
35%	6112	79.061.227	79.061.227		79.061.227
Trách nhiệm	6113	1.581.000	1.581.000	0	1.581.000
Tạp vụ	6051	0		0	- 0
HĐ 102	6049			0	0
VK, BL	6115	2.107.760	2.107.760		2.107.760
Cộng		318.094.500	318.094.500	0	318.094.500
					65.302.400
					117.551.300

		62.347.784					8%	1,50%	BHTN 1%	6301, 6302, 6304 (NV 3)	Chuyển
	10,5%		6001	23.539.444	17.934.814	3.362.778	2.241.852		23.539.444
	10,5%		6101	452.445	344.720	64.635	43.090		452.445
NVụ 2	10,5%		6115	3.618.353	2.756.840	516.908	344.605		3.618.353
	17,0%		6301	45.102.653				45.102.653	
	3,0%		6302	7.959.292				7.959.292	
	1%		6304	2.653.097				2.653.097	
	10,5%		TV 6051	0	-	-	0		0
	10,5%		6049						0
	10,5%		VK 6115	247.279	188.403	35.326	23.550		247.279
NVụ 3	0,5%	BH TNLĐ và BNN	6349	1.326.549				1.326.549	
				84.899.111	21.224.778	3.979.646	2.653.097	57.041.590	27.857.521

Tính lương + BH		Lương	BH	Cộng
	6001	200.645.809	28.400.135	229.045.944
		0		
		200.645.809	28.400.135	229.045.944
	6101	3.856.555	545.213	4.401.768
	6115	30.842.149	4.354.621	35.196.770
		0		
		30.842.149	4.354.621	35.196.770
	6112	79.061.227		79.061.227
		0		0
		79.061.227		79.061.227
	6113	1.581.000		1.581.000
	TV 6051	0	0	0
	6049	0	0	0
	VK 6115	2.107.760	294.802	2.402.562
		2.107.760	294.802	2.402.562
	Cộng	318.094.500	33.594.771	351.689.271

				8%	1,50%	BHTN 1%	Cộng		
NVụ 2	10,5%		6001	17.934.814	3.362.778	2.241.852	23.539.444	28.400.135	
				0	0	0	0		
				17.934.814	3.362.778	2.241.852	23.539.444		
	10,5%		6101	344.720	64.635	43.090	452.445	545.213	
	10,5%		6115	2.756.840	516.908	344.605	3.618.353		
				2.756.840	516.908	344.605	3.618.353	4.354.621	0
	Cộng						27.610.242	33.299.969	

NV 2	33.299.969	
NV 3	69.084.031	
Cộng	102.384.000	

					8%	1,50%	BHTN 1%	Cộng	
NVụ 3	17,0%		6301	45.102.653				45.102.653	
				45.102.653				45.102.653	54.391.479
	3,0%		6302	7.959.292				7.959.292	
				7.959.292				7.959.292	9.508.506
	1%		6304	2.653.097				2.653.097	

Được quét bằng CamScanner

			2.653.097				2.653.097	3.199.502
10,5%		TV 6051		0	-	-	0	
10,5%		6049		0	-	-	0	
10,5%		VK 6115		188.403	35.326	23.550	247.279	294.802
				188.403	35.326	23.550	247.279	
							1.326.549	
0,5%		6349	1.326.549					
			1.326.549				1.326.549	1.599.751
Cộng								69.084.031

Cộng lương, BHL KPCĐ: 426.884.000

0

Được quét bằng CamScanner